

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA

1. Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Mã nghề: 6510216

2. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Lớp C250T1

3. Đối tượng tuyển sinh:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Tốt nghiệp trung cấp và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc học, thi đạt kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Mục tiêu đào tạo:

4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô nhằm đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực Cố vấn kỹ thuật, quản lý quy trình công nghệ, kinh doanh, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa ô tô. Đào tạo sinh viên trình độ cao đẳng ngành công nghệ ô tô có phẩm chất đạo đức, có lương tâm nghề nghiệp; có kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành về công nghệ ô tô; có khả năng tự đào tạo nâng cao trình độ cho mình.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành, đủ khả năng tiếp tục học lên những bậc học cao hơn.

4.2. Mục tiêu cụ thể

❖ *Kiến thức:*

- Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở về Vẽ kỹ thuật, Kỹ thuật điện - điện tử, Lý thuyết ô tô, Tin học, Tiếng Anh vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô.
- Trình bày được nhiệm vụ, cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô.
- Đọc được bản vẽ kỹ thuật; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
- Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô.
- Giải thích được nguyên lý hoạt động của hệ thống điều khiển bằng điện tử của ô tô hiện đại.



- Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô.
- Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị sử dụng trong nghề Công nghệ ô tô.
- Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp.

❖ *Kỹ năng:*

- Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra sử dụng trong nghề công nghệ ô tô.
- Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động.
- Thực hiện được công việc kiểm tra, chẩn đoán và khắc phục các sai hỏng của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô.
- Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn.
- Có kỹ năng tư vấn kỹ thuật, cố vấn kỹ thuật cho khách hàng sử dụng dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa ô tô.
- Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ ô tô, các trạm dịch vụ sau bán hàng của các thương hiệu ô tô uy tín.
- Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản.
- Có kỹ năng thực hành đồng sơn ô tô đáp ứng nhu cầu tuyển dụng trực tiếp của doanh nghiệp.
- Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô.
- Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn.
- Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ A2 hoặc tương đương.
- Có khả năng ứng dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương.

❖ *Năng lực tự chủ, trách nhiệm:*

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định tại nơi làm việc; Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm về kết quả công việc được phân công;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Chủ động lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc;
- Chấp hành tốt ý thức tổ chức kỷ luật, thực hiện tác phong công nghiệp;
- Hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp, trau dồi kiến thức chuyên môn;
- Năng động, sáng tạo trong quá trình làm việc, có tinh thần làm việc nhóm, tập thể, linh hoạt áp dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất.

❖ *Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp*

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ Cao đẳng công nghệ ô tô có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp, các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp vận tải và được phân công làm việc ở các vị trí

- Kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa ô tô.
- Tổ chức và điều hành được xưởng sửa chữa, lắp ráp ô tô quy mô nhỏ.
- Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô.
- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.
- Cố vấn dịch vụ, quản lý dịch vụ đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô.
- Quản lý xưởng các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Giáo viên giảng dạy thực hành trong các cơ sở đào tạo nghề.

5. Khoá học: 2025-2028

6. Thời gian khoá học: 2.5 năm (từ tháng 9/2025 đến tháng 3/2028)

7. Thời gian học tập: 83 tuần

- Thời gian kiểm tra, thi kết thúc môn học/mô-đun: 110 giờ, sử dụng trong tuần học và tuần dự trữ
- Thời gian thi lại, học lại: sử dụng tuần dự phòng và tuần hè

8. Thời gian khai giảng, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ hè và dự phòng: 35 tuần

9. Quyết định phê duyệt chương trình đào tạo:

Quyết định số 379/QĐ-CDKTNNTT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ.

10. Lịch học toàn khóa:

KHÓA HỌC 2025-2028

THÁNG		9-2025					10-2025					11-2025					12-2025					1-2026					2-2026					3-2026					4-2026					5-2026					6-2026					7-2026					8-2026				
TUẦN		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52							
NGÀY	Từ	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	02	09	16	23	02	09	16	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	05	13	20	27	03	10	17	24							
	Đến	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	01	08	15	22	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30							
Năm học 2025-2026		← - - - S ←										17T															TET ND					16T															P					H H H H H H H H H H H H H H P									

[illegible]

THÁNG		8	9-2027							10-2027							11-2027							12-2027							1-2028							2-2028							3-2028																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
TUẦN		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
NGÀY	Từ	23	30	06	13	20	27	04	11	18	25	01	08	15	22	29	06	13	20	27	03	10	17	24	31	07	14	21	28	06	13	20	27	03	10	17	24	01	08	15	22	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
	Đến	29	05	12	19	26	03	10	17	24	31	07	14	21	28	05	12	19	26	02	09	16	23	30	06	13	20	27	05	12	19	26	02	09	16	23	30	07	14	21	28	04	11	18	25	02	09	16	23	30	06	13	20	27																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
Năm học 2027-2028		S	S	8T+8T														P	X	X	X	X	X	X	X	X	X		P	DS dự điểm kiến TN	TẾT NĐ							DS dự điểm kiến TN	DS dự TN (chính thức)	B																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
											(HKDN+TTN)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								

Ghi chú:

S : Sinh hoạt đầu năm, đầu khóa.

P : Dự phòng; dạy bù; thi lần 2...

← - - → : Tuyển sinh

↔ : Thời gian thực học LT+TH

X. HKDN

: Thực tập tốt nghiệp, Học kỳ doanh nghiệp

H

: HSSV Nghì hè

DS đủ điều kiện TN,
DSDKTN, DSTN (chín
thứ)

: Danh sách đủ điều kiện tốt nghiệp, Danh sách dự kiến tốt nghiệp, Danh sách tốt nghiệp chính thức.

11. Phân bổ thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2475/102** (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: **37**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435/19** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **2040/82** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: **708** (giờ); thực hành, thực tập: **1677** (giờ)

12. Nội dung chương trình

S T T	MÃ MH/ MĐ	TÊN MÔN HỌC / MÔ-ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (giờ)			
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					LT	TH, TT...	Thi, KT
I. CÁC MÔN HỌC CHUNG			19	435	116	297	22
1	110109	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
2	110102	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	15	57	3
3	110103	Giáo dục thể chất	2	60	5	52	3
4	110104	Pháp luật	2	30	20	7	3
5	110107	Tiếng Anh 1	2	60	10	47	3
6	110108	Tiếng Anh 2	2	60	10	47	3
7	510101	Tin học	3	75	15	58	2
II. CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			82	2040	592	1249	109
II.1. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CƠ SỞ			18	360	178	165	17
8	210115	Kỹ thuật điện – điện tử	3	45	43	0	2
9	210116	Vẽ thiết kế trên máy tính (cad 2D)	3	60	30	28	2
10	210111	Dung sai và kỹ thuật đo	2	45	15	28	2
11	210117	Nguội - Hàn cơ bản	2	45	15	28	2
12	210119	Lý thuyết ô tô	3	60	30	28	2
13	210114	Truyền động cơ - thủy - khí	2	45	15	28	2
14	210118	Vẽ thiết kế chi tiết ô tô (Cad 3D)	3	60	30	25	5

II.2. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			52	1185	384	723	78
15	210301	Nhập môn công nghệ ô tô	2	30	28	0	2
16	210302	Hệ thống điều khiển động cơ	2	30	28	0	2
17	210341	Động cơ cơ bản	3	75	15	55	5
18	210304	Điện động cơ	3	75	15	57	3
19	210327	Động cơ xăng	5	120	30	85	5
20	210328	Động cơ Diesel	4	90	30	55	5
21	210330	Điện thân xe	3	75	15	53	7
22	210331	Hệ thống phanh - treo - lái	5	120	30	85	5
23	210329	Đồ án động cơ đốt trong	1	45	0	40	5
24	210332	Hệ thống truyền lực ô tô	3	75	15	57	3
25	210333	Hệ thống truyền lực điều khiển điện tử	4	90	30	51	9
26	210316	Hệ thống phanh ABS	2	45	15	28	2
27	210334	Bảo dưỡng ô tô	2	45	15	28	2
28	210319	Quản lý dịch vụ ô tô	2	30	28	0	2
29	210320	Kỹ thuật sơn ô tô	2	45	15	23	7
30	210335	Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	45	15	28	2
31	210336	Kỹ thuật chẩn đoán - kiểm định ô tô	4	75	45	21	9
32	210337	Kỹ thuật vận hành ô tô	3	75	15	57	3
II.3. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN NÂNG CAO			6	180	30	136	14
33	210338	Tính toán mô phỏng ô tô	2	45	15	28	2
34	210339	Ô tô điện và ô tô Hybrid	2	45	15	28	2
35	210340	Đồ án gầm ô tô	1	45	0	40	5
36	210324	Thực tập quản lý dịch vụ ô tô	1	45	0	40	5
II.4 THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			7	315	0	225	0
37	210342	Thực tập tốt nghiệp	7	315	0	315	0
TỔNG CỘNG			102	2475	708	1546	131

13. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- Người học phải có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học hoặc phải làm chuyển đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp (nếu có).
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng và công nhận danh hiệu Kỹ sư thực hành theo quy định của Trường.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo (thực hiện);
- Khoa Cơ -điện-lạnh (thực hiện);
- Lưu: ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Thanh Sơn

HỒ CHÍ MINH